

| | |
|--|-----|
| Lưu Khánh Linh, Nguyễn Ngọc Phương: Nghiên cứu các mô hình đánh giá trong giáo dục: ưu điểm và hạn chế - <i>Evaluation models in education: pros and cons</i> | 68 |
| Phan Thị Lung: Kỹ năng cơ bản của nhà tham vấn trong trường học ở tỉnh Điện Biên - <i>Basic Skills of School Counselors in Dien Bien Province</i> | 71 |
| Lê Thị Thêm: Giải pháp nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên ngành công tác xã hội, Trường cao đẳng sư phạm Điện Biên - <i>Solution to improve practical capacity for students in social work, Dien Bien College of Education</i> | 73 |
| Lê Văn Tèo: Hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương - <i>Extracurricular sports activities of students at Thu Dau Mot University, Binh Duong</i> | 76 |
| Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Thanh Sơn: Những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến sự bền của người tập luyện thể dục thể thao - <i>Psychological factors affect the endurance of people who exercise and sport</i> | 79 |
| Triệu Thị Kim Quyên: Giáo dục bồi dưỡng lối sống trách nhiệm, cống hiến cho đoàn viên, hội viên công đoàn, phụ nữ ở các nhà trường quân đội - <i>Educating and fostering a responsible lifestyle, dedicating to union members, union members, women in Military schools</i> | 82 |
| Giáp Minh Nguyệt Ánh: Vận dụng phương pháp học tập chủ động trong đào tạo kế toán tại các trường đại học - <i>Applying active learning methods in accounting teaching at universities</i> | 84 |
| Lê Thị Bích Lan: Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Logistics - <i>Improving the quality of training high-quality human resources for the Logistics industry</i> | 87 |
| Lê Thị Thanh Hương, Vũ Thị Kim Dung: Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục công dân ở các trường THCS tỉnh Nam Định đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới - <i>Solutions to improve the quality of civic education teaching in Nam Dinh junior high schools to meet the new general education program</i> | 90 |
| Nguyễn Thị Tuyết Anh: Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp ở huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang - <i>Developing the contingent of preschool teachers according to professional standards in Giong Rieng district, Kien Giang province</i> | 94 |
| Nguyễn Văn Thắng, Trần Văn Tiến: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo giáo viên tại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh Đại học Huế - <i>Professional ethics education in teacher training at Hue University security and defense education center</i> | 97 |
| Hoàng Bích Huệ: Tổ chức phát triển chương trình giáo dục địa phương ở các trường tiểu học thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 - <i>Organizing the development of Local education program development organizations in primary schools in Dien Bien Phu city, Dien Bien province to meet the general education program 2018</i> | 100 |
| Lê Hồng Khanh: Biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giờ dạy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - <i>Measures to improve the quality and efficiency of teaching hours in vocational education institutions</i> | 103 |
| Nguyễn Văn Hùng: Giải pháp gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng sinh viên tốt nghiệp của trường cao đẳng nghề công nghiệp Thanh Hoá - <i>Solution associated with Enterprise in training and employing graduates of Thanh Hoa Vocational College of Industry</i> | 107 |
| Phạm Văn Thắng, Trần Mạnh Ngọc: Giải pháp ngăn chặn tác động của thông tin sai trái trên không gian mạng đến đội ngũ cán bộ quản lý học viên Trường đại học Trần Quốc Tuấn - <i>Solutions to prevent the impact of false information on cyberspace on the team of student management staff at Tran Quoc Tuan University</i> | 110 |
| Đào Xuân Trường; Phạm Đức Quỳnh: Biện pháp nâng cao hiệu quả của phương pháp nêu vấn đề và sử dụng tình huống trong dạy học môn Giáo dục quốc phòng - an ninh tại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh đại học Thái Nguyên - <i>Measures to improve the efficiency of applying problem-raising methods and using situations in teaching national defense and security subject at Thai Nguyen university security and defense education</i> | 113 |
| Lê Ngọc Sơn, Trần Thanh Kiệt: Yếu tố tác động đến nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường quân đội - <i>Factors affect of improving the quality of social science research and humanities in military schools</i> | 115 |
| Trần Mỹ Linh: Nghiên cứu nhận thức của học sinh trung học cơ sở về rối nhiễu trầm cảm - <i>Researching the Junior high school students' perceptions of depressive disturbances</i> | 118 |

QUẢN LÝ GIÁO DỤC - EDUCATION MANAGEMENT

| | |
|--|-----|
| Khuất Thị Hằng: Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 8 trong dạy học văn bản nhật dụng - <i>Organizing the experiential activities for students in grade 8 in teaching Japanese</i> | 121 |
| Bùi Văn Hưng; Trần Thị Ngọc Yến: Quản lý xây dựng văn hóa ứng xử của giáo viên trong sử dụng mạng xã hội ở hệ thống trường mầm non the First Academy, thành phố Hồ Chí Minh - <i>Managing of building the teachers' behavioral culture in using social networks in the First Academy preschool system, Ho Chi Minh city</i> | 125 |
| Đào Văn Chính: Quản lý hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi ở các trường trung học phổ thông huyện Vỹ Thủy, tỉnh Hậu Giang - <i>Managing the activities of fostering good students at high schools in Vi Thuy district, Hau Giang province</i> | 128 |
| Lê Thanh Long: Quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường THPT ở huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ - <i>Managing ethical education for students at high schools in Thoi Lai district, Can Tho city</i> | 131 |
| Nguyễn Thị Thanh Huyền; Xin Thanh Quyên: Quản lý bồi dưỡng năng lực dạy học phân hóa cho giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú THPT đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 - <i>Managing and fostering differentiated teaching capacity for teachers of boarding high schools to meet the needs of the general education program 2018</i> | 134 |
| Vũ Thị Lan: Đổi mới quản lý nhà nước về chất lượng giáo dục đại học ở nước ta hiện nay - <i>Innovating the state management reform for the quality of university education in our country today</i> | 137 |
| Nguyễn Thanh Phong: Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường THPT trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - <i>Developing the contingent of high school administrators in the context of fundamental and comprehensive innovation in education</i> | 140 |
| Nguyễn Thanh Mộng: Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học phổ thông ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ - <i>Managing the life skills education activities for students of high schools in O Mon town, Can Tho city</i> | 143 |
| Nguyễn Ngọc Hênh: Phát triển đội ngũ giáo viên trường trung cấp Đại Việt thành phố Cần Thơ: thực trạng và giải pháp - <i>Developing the contingent of teachers at Dai Viet Intermediate School in Can Tho City: current situation and solutions</i> | 145 |
| Nguyễn Hữu Tiến; Bùi Đức Tú: Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong trường trung học phổ thông - <i>Managing information technology application activities in high schools</i> | 148 |
| Đỗ Thị Thuý Vân: Biện pháp quản lý chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của các trường mầm non huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang - <i>Measures of managing the quality of care, education for children in preschool in Giong Rieng district, Kien Giang province</i> | 151 |
| Lê Vũ Thắng: Quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh tiểu học huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới - <i>Managing local education activities for primary school students in Giong Rieng district, Kien Giang province to meet the requirements of the new general education program</i> | 154 |
| Nguyễn Thụy Ngọc Hà: Quản lý hoạt động tổ chuyên môn ở các trường mầm non Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang - <i>Managing the specialized team activities in preschool in Giong Rieng district, Kien Giang province</i> | 157 |

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Văn Thắng*, Trần Văn Tiến**

ABSTRACT

Professional ethics is one of the major relationships of human life and human society. For teachers of National Defense and Security Education, professional ethics play an important role in forming and developing a teacher's personality. The paper analyzes the ethical standards of National Defense and Security Education teachers, assesses the status quo and proposes ways to improve the quality of professional ethical education in the training of National Defense and Security Education teachers. Hue Center for National Defense and Security Education today.

Keywords: Professional ethics, teacher of national defense and security, Hue University

Ngày 24/9/2020; Ngày phân biệt: 29/9/2020; Ngày duyệt đăng: 12/10/2020

1. Đặt vấn đề

Dạy học là nghề đặc biệt, vừa dạy chữ, đồng thời dạy cách làm người, thực hiện sứ mệnh "trồng người". Do tính chất đặc biệt của nghề GV nên xã hội luôn mong muốn và đặt ra yêu cầu cao về đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) của đội ngũ nhà giáo. Đặc biệt, đội ngũ giáo viên (GV) dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) ở trường phổ thông vừa có những chuẩn mực đạo đức nghề sư phạm, vừa có những chuẩn mực đạo đức của người GV quân sự.

Từ năm 2003, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh (TT GDQP&AN) Đại học Huế tiến hành đào tạo GV GDQP&AN cho các trường phổ thông. Vấn đề giáo dục ĐĐNN được thực hiện giảng dạy ở nhiều môn học với nhiều mức độ khác nhau. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả giáo dục ĐĐNN chưa cao, chưa đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo GV vừa mang tính dân sự, vừa mang tính quân sự. Do đó, việc nâng cao giáo dục ĐĐNN đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục trong bối cảnh hiện nay là hết sức cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chuẩn mực đạo đức nghề GV giáo dục Quốc phòng và An ninh

Đối với nghề GV, hoạt động sư phạm không chỉ dạy kiến thức, kỹ năng, phương pháp, thực hành (dạy chữ)... mà còn dạy cách làm người, đó là giáo dục ĐĐNN. "Việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ bước vào cuộc

sống không chỉ là ở chỗ truyền thụ cho họ những kỹ năng và kỹ xảo, mà trước hết là hình thành những phẩm chất cần thiết đối với một con người tương lai"[5, 21]. Quá trình đó đặt ra yêu cầu rất cao về chuẩn mực đạo đức của nghề GV.

Khác với người GV hoạt động mang tính dân sự trong trường phổ thông, hoạt động sư phạm của người GV GDQP&AN gắn với việc tổ chức quân sự có kỷ luật nghiêm minh, có nề nếp chính quy. Yêu cầu đó đòi hỏi người GV phải có cả bề rộng và chiều sâu tri thức; có tư duy sư phạm nhanh nhạy và sáng tạo; có tinh kỷ luật quân sự cao và khát vọng vươn lên trong sự nghiệp trồng người; có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu đặc trưng của hoạt động sư phạm quân sự. Do đó, người GV GDQP&AN trong trường phổ thông cần phải có:

- Ý thức tổ chức kỷ luật trong tổ chức hoạt động sư phạm mang tính quân sự. Hoạt động sư phạm mang tính quân sự khi dạy học môn GDQP&AN trong trường phổ thông đòi hỏi người GV GDQP&AN phải có tinh tổ chức, tinh kỷ luật cao. gương mẫu, giữ gìn uy tín của người GV GDQP&AN, tuyệt đối phục tùng sự phân công của tổ chức, mệnh lệnh của người chỉ huy, "quân lệnh như sơn". Giữ vững tinh nguyện tắc trong sinh hoạt chuyên môn, tuyệt đối giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia.

- Sự chuẩn mực, tính mô phạm trong tác phong, lối sống. Có hành vi đạo đức, quan điểm chính trị, cách xử lý các mối quan hệ đúng đắn, mẫu mực, hài hòa. Sống nêu gương, trở thành chỗ dựa tinh thần cho học sinh, cho mọi người xung quanh.

* TS. Trường ĐHSP Huế

** CN. Trung tâm Giáo dục QP&AN Đại học Huế

- Tinh thần đấu tranh trên mặt trận tư tưởng văn hóa, đấu tranh với những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề sư phạm, nhất là nhà giáo quân sự. Cảnh giác đề phòng và chống lại các tư tưởng cổ súy phi chính trị hóa giáo dục, phi chính trị hóa quân đội. Giữ gìn và phát huy truyền thống đạo đức nhà giáo Việt Nam và nhà giáo quân sự, “giàu sang không thể quyền rũ, nghèo túng không thể chuyển lay, cường quyền không thể khuất phục.

2.2. Thực trạng giáo dục ĐĐNN trong đào tạo GV GDQP&AN tại TT GDQP&AN Đại học Huế

Từ năm 2003 đến nay, TT GDQP&AN Đại học Huế kết hợp với Trường ĐHSPT Huế đào tạo 23 khóa GV GDQP&AN theo tỉ lệ 50% kiến thức nghiệp vụ sư phạm-lý luận chính trị, 50% kiến thức quốc phòng an ninh. TT GDQP&AN Đại học Huế quản lý sinh viên (SV) học tập, ăn ở, sinh hoạt tập trung một năm tại TT GDQP&AN Đại học Huế để có điều kiện rèn luyện tác phong quân sự, năng lực chỉ huy điều hành và bước đầu hình thành bản lĩnh chiến đấu của người lính. Do đặc thù của người GV GDQP&AN ở trường phổ thông, giáo dục ĐĐNN cho SV là yếu tố hàng đầu trong quá trình giáo dục. Quán triệt tinh thần đó, trong những năm qua, TT GDQP&AN Đại học Huế đã rất cố gắng nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN

Bảng 2.1: Kết quả xếp loại rèn luyện SV GDQP&AN
(Xuất sắc: >=90; Tốt: >=80; Khá: >=65; Trung bình: >=50; Yếu: <50)

| TT | Khóa tốt nghiệp | Tổng số SV | Kết quả xếp loại rèn luyện | | | | | | | | | |
|----|-----------------|------------|----------------------------|-------|-----|-------|-----|------|------------|---|-----|---|
| | | | Xuất sắc | | Tốt | | Khá | | Trung bình | | Yếu | |
| | | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | 2012-2016 | 20 | 7 | 35 | 7 | 35 | 6 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | 2013-2017 | 43 | 38 | 88,37 | 5 | 11,63 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | 2014-2018 | 29 | 10 | 34,48 | 18 | 62,06 | 1 | 3,44 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | 2015-2019 | 18 | 7 | 38,88 | 11 | 61,11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nguồn: Phòng công tác SV, Trường Đại học Sư phạm - ĐH Huế¹.

1. Năm học 2016-2017 tạm dừng không tuyển sinh đào tạo ngành GDQP&AN

trong đào tạo GV GDQP&AN.

Từ kết quả xếp loại rèn luyện (căn cứ để xét cấp học bổng), có thể khẳng định, SV được đào tạo tại TT GDQP&AN Đại học Huế có sự say mê, yêu thích nghề nghiệp. Tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện ĐĐNN sư phạm. Gương mẫu chấp hành tốt quy chế, quy định trường học, có lối sống lành mạnh, văn minh. Có tác phong đúng mực, thân ái đoàn kết với mọi người. Tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, ý thức đấu tranh chống lại các biểu hiện vi phạm đạo đức. Để có cơ sở xem xét đánh giá thực chất kết quả xếp loại rèn luyện SV, chúng tôi đã trưng cầu ý kiến của 100 SV đã và đang học tập tại

Bảng 2.2: Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả xếp loại rèn luyện của SV GDQP&AN

| TT | Tiêu chí đánh giá | Số SV | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | |
|----|---|-------|-----------------|----|----------------|----|------------|----|-------------|----|------------------|----|
| | | | Rất quan trọng | | Khá quan trọng | | Quan trọng | | Bình thường | | Không quan trọng | |
| | | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Vai trò tự giác giáo dục, tự rèn luyện tu dưỡng ĐĐNN của cá nhân | 100 | 16 | 16 | 43 | 43 | 6 | 6 | 30 | 30 | 7 | 7 |
| 2 | Vai trò của đội ngũ giảng viên và cơ quan quản lý giáo dục đào tạo Trường Đại học Sư phạm và TT GDQP&AN Đại học Huế | 100 | 53 | 53 | 20 | 20 | 13 | 13 | 14 | 14 | 0 | 0 |
| 3 | Vai trò của gia đình, người thân | 100 | 27 | 27 | 21 | 21 | 17 | 17 | 35 | 35 | 0 | 0 |
| 4 | Vai trò của dư luận xã hội | 100 | 9 | 9 | 11 | 11 | 15 | 15 | 45 | 45 | 20 | 20 |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả trưng cầu ý kiến người học

TT GDQP&AN Đại học Huế, kết quả như sau:

Như vậy, có thể khẳng định: Đội ngũ giảng viên, cơ quan quản lý giáo dục đào tạo TT GDQP&AN Đại học Huế đóng vai trò quan trọng nhất trong việc giáo dục ĐĐNN cho SV (86%). Đồng thời, ý thức tự giác của cá nhân, sự động viên giáo dục của gia đình, người thân góp phần tích cực vào việc giáo dục, hình thành ĐĐNN, nhân cách người GV GDQP&AN (65%).

Mặc dù nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV thời gian qua đã được thực hiện khá tốt, song thực chất vẫn còn một số hạn chế. Chất lượng, hiệu quả còn thấp so với yêu cầu, “chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối

sống và kỹ năng làm việc" [2, 114]. Ý thức tự giác của người học chưa cao, một bộ phận SV chưa có nhận thức đầy đủ về các chuẩn mực ĐĐNN của người GV GDQP&AN. Trong giảng dạy, giảng viên chưa tích hợp được những yêu cầu về chuẩn mực đạo đức của nhà giáo vào nội dung các môn học.

2.3. Nâng cao giáo dục ĐĐNN trong đào tạo GV GDQP&AN tại TT GDQP&AN Đại học Huế hiện nay

Thứ nhất, cải tiến nội dung, biện pháp tuyển chọn SV GDQP&AN. Công tác tuyển chọn đối tượng đào tạo ngành GV GDQP&AN phải được thực hiện nghiêm túc, thận trọng, tỉ mỉ, với yêu cầu, chất lượng ngày càng cao. Lãnh đạo, chỉ huy các cấp phải bố trí cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực làm công tác giảng dạy để đưa đi đào tạo GV. Thực hiện đổi mới phương pháp tuyển chọn, ngoài việc tổ chức thi tuyển cần coi trọng tổ chức phỏng vấn trực tiếp để tuyển chọn về khả năng tư duy, phong cách diễn đạt, xu hướng, nguyện vọng được đào tạo trở thành GV GDQP&AN. Có chính sách để thu hút những người giỏi vào đào tạo GV GDQP&AN.

Thứ hai, tích hợp những yêu cầu về giáo dục ĐĐNN vào chương trình, nội dung dạy học. Lồng ghép, tích hợp đào tạo nghiệp vụ sư phạm với giáo dục ĐĐNN cho SV GDQP&AN ở tất cả các môn học. Cập nhật những tác động của xã hội làm biến đổi các giá trị đạo đức của nhà giáo. Mạnh dạn và kiên quyết cắt giảm những nội dung giao thoa, trùng lặp; tăng cường nội dung bồi dưỡng tay nghề sư phạm và giáo dục đạo đức nhà giáo cho SV.

Thứ ba, đổi mới tổ chức và phương pháp dạy học nhằm bồi dưỡng ĐĐNN trong đào tạo GV GDQP&AN. Thực hiện đổi mới tổ chức dạy học bằng cách sắp xếp khoa học các hình thức dạy học cả trên giảng đường, cũng như ngoài thao trường, nơi dã ngoại và tự học. Kết hợp tinh thần, tính khoa học và tính quân sự trong quá trình dạy học; người dạy không chỉ cần dạy đúng, dạy đủ, mà còn cần phải dạy hay, dạy hấp dẫn, phong cách tự nhiên, ngôn ngữ trong sáng, có sức truyền cảm.

Thứ tư, bồi dưỡng ý chí, kỹ năng tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN trong đào tạo GV GDQP&AN thông qua thực hiện các chế độ quy định của quân đội. Các kỹ năng tự giáo dục cần bồi dưỡng cho SV ngành GDQP&AN là: tự thuyết phục, tự phê bình, tự rèn luyện, tự bắt buộc, tự trừng phạt,... biện pháp ngăn chặn và phòng chống các tệ nạn xã hội; đấu tranh chống những biểu hiện sai trái về đạo đức, lối sống. Đưa SV vào rèn luyện trong những hoạt động khó khăn, phức tạp: bảo động huấn luyện ban đêm,

hành quân di chuyển... để rèn luyện ý chí, tinh thần quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách trong mọi lúc, ở mọi nơi, từng bước nâng dần yêu cầu cao đối với người học.

Thứ năm, đầu tư và sử dụng hợp lý cơ sở vật chất cho đào tạo ngành GV. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho nhiệm vụ đào tạo ngành GV GDQP&AN về phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại; cơ sở vật chất phục vụ ăn, ở, học tập và rèn luyện nghiệp vụ. Xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống chế độ, chính sách đối với GV phù hợp với hoạt động sư phạm ở TT GDQP&AN Đại học Huế.

3. Kết luận

Hiện nay, đạo đức nhà giáo đang phải đối diện với nhiều thách thức; một số biểu hiện lệch lạc, bất cập, làm suy giảm truyền thống đó đang nảy sinh đã ảnh hưởng tiêu cực đến danh dự, uy tín của người thầy. Vì thế, việc chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức nhà giáo càng trở nên cấp thiết; đây không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà là vấn đề lâu dài, đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên, liên tục. Trong đó, thời gian đào tạo tại nhà trường có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục ĐĐNN trong đào tạo GV nói chung, đào tạo GV GDQP&AN tại TT GDQP&AN Đại học Huế nói riêng. Đây là giai đoạn khởi đầu tạo tiền đề để đội ngũ nhà giáo tiếp tục hoàn thiện ĐĐNN của bản thân đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Quá trình giáo dục ĐĐNN trong đào tạo GV GDQP&AN tại TT GDQP&AN hiện nay cần phát huy và cụ thể hoá truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc, từng bước xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống các quy định pháp lý về ĐĐNN trong quá trình hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật giáo dục - đào tạo GDQP&AN đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 16/4/2008, về ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Bá Hùng (2010), Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên sư phạm trong nhà trường quân sự hiện nay, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
4. Trần Hậu Kiểm - Chủ biên (1993), Các dạng đạo đức xã hội, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. V.A.Xu-khôm-lin-xki (1983), Hình thành niềm tin cộng sản cho thế hệ trẻ, NXB Thanh Niên, Hà Nội.